

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2020/DS-ST

Ngày: 16-3-2020.

V/v tranh chấp: “*Hợp đồng mua bán tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY – TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Nghiệm.

2. Bà Trần Thị Ngọc Hân.

Thư ký phiên tòa: Ông Lương Huỳnh Phúc Tài – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Quý – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 377/2018/TLST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2018, về việc tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2020/QĐST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Đỗ Hữu T, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- ***Bị đơn:*** Lê Kim S (Tên thường gọi: M), sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

+ Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

+ Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1975 (vắng mặt).

+ Nguyễn Văn L, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Đỗ Hữu T trình bày:***

Năm 2017, anh T bán ớt cho anh Lê Kim S; anh S nợ anh T 35.454.000 đồng, có làm biên nhận mua ớt ngày 19/6/2017. Tháng 01/2018, anh S kêu anh T lấy 04 cái quạt gió, 01 cái cân điện tử, 01 cái máy giặt bán để trừ nợ. Anh T

bán 04 cái quạt gió được 10.000.000 đồng; riêng 01 cái cân điện tử và 01 cái máy giặt bị hư hỏng, không bán được; anh T đang gởi tại nhà bạn anh ở Đồng Tháp. Nay anh T cần trừ 04 cái quạt gió 10.000.000 đồng; 01 cái cân điện tử và 01 cái máy giặt số tiền 5.454.000 đồng vào số tiền nợ 35.454.000 đồng; nên anh S còn nợ anh T 20.000.000 đồng. Trước khi anh T bán ớt cho anh S, anh T có bán ớt cho chị H; nhưng anh T với chị H đã thanh toán tiền mua bán xong; anh T không đồng ý việc chị H, anh L tính giá trị tài sản 33.000.000 đồng (04 cái quạt gió 12.000.000 đồng, 01 cái máy giặt 9.000.000 đồng ; 01 cái cân điện tử 8.000.000 đồng).

Tại phiên tòa, anh T yêu cầu anh S trả số tiền 20.000.000 đồng, trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

*** Tại phiên tòa, bị đơn anh Lê Kim S trình bày:**

Năm 2017, chị Nguyễn Ngọc H mua ớt của anh Đỗ Hữu T, chị H nợ anh T 35.454.000 đồng. Biên nhận mua ớt ngày 19/6/2017 do chị H viết, anh S là người bảo lãnh trả nợ thay cho chị H. Khi vợ chồng chị H, anh L về Tây Ninh có gởi tại nhà anh S 04 cái quạt gió, 01 cái cân điện tử, 01 cái máy giặt. Đến tháng 01/2018, anh T đến nhà anh S lấy 04 cái quạt gió, 01 cái cân điện tử, 01 cái máy giặt của vợ chồng chị H, anh L để trừ số tiền nợ 35.454.000 đồng. Anh T cho rằng cân điện tử và máy giặt bị hư hỏng, anh S không đồng ý, vì khi chị H, anh L gởi tại nhà anh S, tài sản còn sử dụng được. Anh S đồng ý giá trị tài sản theo lời trình bày của chị H và anh L là 33.000.000 đồng (04 cái quạt gió 12.000.000 đồng, 01 cái máy giặt 9.000.000 đồng, 01 cái cân điện tử 8.000.000 đồng).

Tại phiên tòa, Anh S yêu cầu anh T cần trừ 04 cái quạt gió, 01 cái cân điện tử, 01 cái máy giặt với số tiền phù hợp, không đồng ý anh T cần trừ số tiền 15.454.000 đồng. Anh S không đồng ý trả 20.000.000 đồng.

Ngoài ra không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- *Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:*

Vào năm 2017 vợ chồng chị H (anh T, chị H) bán ớt cho anh S; anh S nợ 35.454.000 đồng, có làm biên nhận mua ớt ngày 19/6/2017. Tháng 01/2018, anh S kêu vợ chồng chị đến nhà anh S lấy 04 cái quạt gió, 01 cái cân điện tử, 01 cái máy giặt bán để trừ tiền nợ. Bán 04 cái quạt gió được 10.000.000 đồng; còn lại 01 cái cân điện tử và 01 cái máy giặt bị hư hỏng, không bán được; hiện nay đang gởi tại nhà người bạn ở Đồng Tháp. Nay chị H thống nhất yêu cầu của anh T.

Ngoài ra không có ý kiến gì khác.

- *Chị Nguyễn Ngọc H vắng mặt, nhưng theo biên bản lấy lời khai ngày 09/7/2019, chị H trình bày:*

Năm 2017, chị H có mua ớt của anh T, nợ anh T 35.454.000 đồng; do không phải là người ở địa phương, nên anh T kêu anh S làm giấy bảo lãnh trả nợ; chị H về Tây Ninh có gởi tại nhà anh S 04 cái quạt gió trị giá 12.000.000 đồng, 01 cái máy giặt trị giá 9.000.000 đồng, 01 cái cân điện tử trị giá 8.000.000 đồng; tổng cộng giá trị tài sản là 33.000.000 đồng. Số tiền 35.454.000 đồng là

tiền chị H nợ anh T, không phải anh S nợ anh T. Anh T đã lấy tài sản của chị H để trừ nợ xong; nên nay chị H không còn nợ tiền anh T.

Ngoài ra không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

- Anh Nguyễn Văn L vắng mặt, nhưng theo biên bản lấy lời khai ngày 09/7/2019, chị H trình bày:

Năm 2017, anh L và vợ là chị H có mua ớt của anh T, nợ anh T 35.454.000 đồng; do không phải là người ở địa phương, nên anh T kêu anh S làm giấy bảo lãnh trả nợ. Anh L về Tây Ninh có gởi tại nhà anh S 04 cái quạt gió trị giá 12.000.000 đồng, 01 cái máy giặt trị giá 9.000.000 đồng, 01 cái cân điện tử trị giá 8.000.000 đồng; tổng cộng giá trị tài sản là 33.000.000 đồng. Số tiền 35.454.000 đồng là tiền vợ chồng anh L, chị H nợ anh T, không phải anh S nợ anh T. Anh T đã lấy tài sản để trừ nợ xong; nên nay không còn nợ tiền anh T.

Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

*** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:**

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T. Buộc anh S trả cho anh T 20.000.000 đồng, trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo các tình tiết của vụ án và yêu cầu của đương sự. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “Hợp đồng mua bán tài sản”, nên áp dụng giải quyết theo quy định tại các Điều 430, 440 của Bộ luật dân sự.

[2] Xét thấy người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Ngọc H và anh Nguyễn Văn L đã được tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật, nhưng chị H, anh L vắng mặt; tuy nhiên chị H và anh L có lời khai thể hiện ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị H và anh L là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Theo lời trình bày và yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Xét anh T yêu cầu anh S trả số tiền 20.000.000 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở một phần. Bởi lẽ, anh T, chị H với anh S, chị H, anh L có thực hiện việc mua bán ớt được thể hiện theo biên nhận mua ớt ngày 19/6/2017 (bút lục số 02) số tiền nợ 35.454.000 đồng; anh T có lấy 04 cái quạt gió, 01 cái cân điện tử, 01 cái máy giặt bán để trừ nợ; anh T yêu cầu cần trừ 04 cái quạt gió 10.000.000 đồng, 01 cái cân điện tử và 01 cái máy giặt 5.454.000 đồng, tổng cộng 15.454.000 đồng. Anh S thống nhất giá trị tài sản theo lời trình bày của chị H, anh L là 33.000.000 đồng; đồng thời yêu cầu anh T tính lại giá trị tài sản cho phù hợp để cần trừ tiền nợ. Xét các đương sự không thống nhất giá trị tài sản, cũng không yêu cầu định giá tài sản; nên xem xét tính giá trị tài sản

binh quân của các bên đương sự đưa ra để cân trừ tiền nợ; cụ thể: $15.454.000\text{đồng} + 33.000.000\text{đồng} = 48.454.000\text{đồng}/2 = 24.227.000\text{đồng}$, cân trừ vào số tiền 35.454.000 đồng, nên còn lại 11.227.000 đồng. Do anh S là người người bảo lãnh trả nợ, anh T yêu cầu anh S trả tiền; nên buộc anh S trả cho anh T số tiền 11.227.000 đồng.

- Xét anh T không yêu cầu chị H, anh L trả tiền, nên không xem xét.
- Xét chị H và anh L không có yêu cầu gì trong vụ án; nên không xem xét.
- Xét chị H thống nhất theo yêu cầu của anh T, không có yêu cầu gì khác; nên không xem xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh T. Buộc anh S có nghĩa vụ trả cho anh T 11.227.000 đồng, trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí: Anh T, anh S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Xét ý kiến, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở một phần, nên chấp nhận một phần đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Điều 430, 440; khoản 1 Điều 468 Bộ Luật dân sự.

- Điều 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Luật thi hành án dân sự.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Hữu T.

- Buộc anh Lê Kim S có nghĩa vụ trả cho anh Đỗ Hữu T số tiền 11.227.000 đồng (*Mười một triệu hai trăm hai mươi bảy ngàn đồng*), trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về án phí:

+ Anh T phải chịu 439.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 636.000 đồng theo biên lai thu số 39978 ngày 20/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, nên hoàn lại cho anh T 197.000 đồng.

+ Anh S phải chịu 561.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh T, anh S, chị H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị H, anh L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai bản án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Lê Trung Hiếu